

Bản án số: 06/2020/KDTM - PT

Ngày: 28-9-2020

“ V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lưu

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Sỹ; Bà Từ Thị Hải Dương

Thư ký phiên Tòa: Ông Đặng Xuân Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2020/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 8 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” do bản án số 02/2020/KDTM-ST ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình có kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1302/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V (viết tắt: V B); địa chỉ: Số 89 L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện khởi kiện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T, Phó Trưởng phòng pháp chế và Kiểm soát tuân thủ phía nam thuộc Trung tâm pháp chế và Kiểm soát tuân thủ phía Nam (theo văn bản ủy quyền số: 46/2013/UQ- CT ngày 01/11/2013 của ông Ngô Chí Dũng, Chủ tịch Hội đồng quản trị V B).

Người đại diện tham gia tố tụng giải quyết vụ án: Ông Đào Tùng L, Chuyên viên xử lý nợ - V B AMC, địa chỉ 108, đường T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Lê Bá S, sinh năm 1971 (tên gọi khác: Lê Bá S, Lê Bá S, Lê Bá S) và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1977; đều cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn K, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình; Ông S có mặt, bà T vắng mặt lần hai không có lý do

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Dương Thị Mỹ H, Địa chỉ: K27/12 Nguyễn Thành Hãn, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2014 đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T V trình bày:

Ông Lê Bá S và bà Hoàng Thị T vay vốn tại Ngân hàng V B - Chi nhánh Quảng Bình theo Hợp đồng tín dụng số N011360 ngày 24/5/2011 với số tiền vay 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng), kỳ hạn vay 06 tháng (từ ngày 24/5/2011 đến 24/11/2011), lãi suất 27%/năm, điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của V B đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 13,5%/năm; lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn, phạt chậm trả lãi theo quy định trong hợp đồng tín dụng; quá trình thực hiện hợp đồng, do ông Sĩ và bà Thắng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng kể từ ngày 26/9/2011; Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và yêu cầu ông Sĩ, bà Thắng thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng vẫn không thực hiện. Vì vậy Ngân hàng yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Lê Bá S và bà Hoàng Thị T trả nợ số tiền tạm tính đến ngày 27/02/2014 là 2.367.292.730 đồng, trong đó nợ gốc quá hạn 1.300.000.000 đồng; nợ lãi đến 27/02/2014 là 727.148.142 đồng; tiền phạt chậm trả lãi 340.144.588 đồng; tiếp tục chịu lãi theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến ngày trả hết nợ gốc; yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số, diện tích 270m² tại T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 408843 do UBND huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 26/5/2009 mang tên ông Lê Bá S và bà Hoàng Thị T, theo hợp đồng thế chấp số 0201/10/HĐ-TCTS ngày 19/5/2010 được lập tại phòng công chứng số 01 tỉnh Quảng Bình, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/5/2010.

Ông Đào Tùng Lâm, đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày tại phiên tòa sơ thẩm: Từ khi Tòa án giải quyết vụ án đến nay, phía bị đơn chưa trả được đồng nào tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Lê Bá S và bà Hoàng Thị T trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (07/7/2020) là: 5.098.230.494 đồng, trong đó nợ gốc quá hạn 1.300.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 46.863.827 đồng; lãi quá hạn: 3.751.366.667 đồng (theo bản tổng hợp dư nợ tính đến ngày xét xử 07/7/2020 mà Ngân hàng V B đã nộp cho Hội đồng xét xử sơ thẩm). Do khoản vay đã quá hạn trả nợ từ ngày 26/9/2011, nên nợ gốc, nợ lãi đều phải trả một lần ngay sau khi án xử có hiệu lực pháp luật; yêu cầu xử buộc bị đơn ông Lê Bá S và bà Hoàng Thị T tiếp tục chịu lãi theo lãi suất thỏa thuận (lãi quá hạn) tại Hợp đồng tín dụng số N011360 ngày 24/5/2011 từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi vợ chồng ông Lê Bá S và bà Hoàng Thị T trả hết nợ gốc; yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là ngôi nhà 5 tầng để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản vay khi Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án.

Bị đơn ông Lê Bá S, bà Hoàng Thị T do ông Sĩ đại diện trình bày ý kiến qua các biên bản hòa giải ngày 26/3/2020 và ngày 12/5/2020 cũng như tại phiên

tòa sơ thẩm: Ông thừa nhận vợ chồng có ký hợp đồng vay tiền tại V B vào ngày 24/5/2011 với tiền gốc 1.300.000.000 đồng và lãi như hợp đồng tín dụng nhưng vì điều kiện vợ chồng ông, bà đang gặp khó khăn, kinh doanh thua lỗ trong thời gian dài nên từ khi vụ án tạm đình chỉ đến nay, ông, bà cũng chưa trả được cho Ngân hàng đồng nào. Nay ông đề nghị Ngân hàng cho được trả dần số tiền nợ gốc và lãi trong hạn, còn số tiền lãi quá hạn, xin Ngân hàng miễn cho vợ chồng ông, bà.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 1.800.000 đồng, đại diện nguyên đơn ông Đào Tùng Lâm đã tạm nộp, Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đã chi. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đào Tùng Lâm có ý kiến nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ.

Tại bản án số 02/2020/KDTM-ST ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 318, 342, 343, 344, 348, 349, 350, 351, 355, 471, 474, 476, 715 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 166, 167, 170 của Luật đất đai, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V, buộc ông Lê Bá S và bà Hoàng Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V số tiền 5.098.230.494 đồng, trong đó, tiền gốc: 1.300.000.000 đồng, lãi trong hạn: 46.863.827 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử (07/7/2020): 3.751.366.667 đồng.

Tiền nợ gốc và tiền nợ lãi nói trên phải trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

Về tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AP 408843 cấp ngày 26/5/2009 mang tên ông Lê Bá S(S) và bà Hoàng Thị T đối với lô đất số 01, diện tích 270m² tại T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình và tài sản gắn liền với đất là một ngôi nhà 05 tầng theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/5/2020 là tài sản để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của ông Lê Bá S và bà Hoàng Thị T. V B có trách nhiệm chuyển giao các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xử lý khi có đơn yêu cầu thi hành án, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (07/7/2020) bên phải thi hành án tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc chưa thi hành cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất (lãi quá hạn 150% lãi trong hạn) đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Áp dụng Điều 5, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V với số tiền phạt chậm trả lãi: 340.144.588 đồng.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc ông Lê Bá S và bà Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại 113.098.230 đồng; Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí 59.000.000 đồng mà ông Đào Tùng L đại diện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy theo biên lai số 01583 ngày 03/7/2014.

Ngoài ra bản án còn tuyên việc thi hành án theo Luật thi hành án, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, Bị đơn ông Lê Bá S có đơn kháng cáo với nội dung: Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải chịu mức lãi suất 27%/năm là không đúng quy định pháp luật, bị đơn cho rằng tổng số tiền lãi quá hạn mà bị đơn phải chịu là 1.992.250.000 chứ không thể vượt quá 3.700.000.000 đồng như Bản án sơ thẩm đã tuyên; Bởi vì phải căn cứ vào quy định của BLDS 2005 lãi suất quá hạn là 150%, lãi suất trong hạn theo quy định của BLDS lãi suất trong hạn là 9%/ năm. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0201/HĐ-TCTS ngày 19/5/2010 được giao kết trước Hợp đồng tín dụng số N011360 là trái với quy định của pháp luật. Yêu cầu xem xét, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 07/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện L.

Ý kiến của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm: Giữ nguyên các nội dung trong đơn kháng cáo

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật TTDS. Về nội dung: Đề nghị bác kháng cáo của bị đơn, xử ý án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V không rút đơn khởi kiện, ông Lê Bá S không rút đơn kháng cáo. Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn có mặt, đại diện theo ủy quyền bị đơn bà Dương Thị Mỹ H vắng mặt, Ông Lê Bá S hủy bỏ việc ủy quyền cho bà Hằng tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hoàng Thị T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Bá S Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Đối với nội dung thứ nhất: Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải chịu mức lãi suất 27%/năm là không đúng quy định pháp luật, bị đơn cho rằng tổng số tiền lãi quá hạn mà bị đơn phải chịu là 1.992.250.000 chứ không thể vượt quá 3.700.000.000 đồng, thấy rằng: Bị đơn ông Lê Bá S và bà Hoàng Thị T đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V – Chi nhánh Quảng Bình theo Hợp đồng tín dụng số N011360 ngày 24/5/2011 với số tiền vay 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng), kỳ hạn vay 06 tháng (từ ngày 24/5/2011 đến 24/11/2011), lãi suất 27%/năm, điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của V B đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 13,5%/năm; lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn, phạt chậm trả lãi theo quy định trong hợp đồng tín dụng. Đây là hợp đồng tín dụng có kỳ hạn ngắn trong đó Điều 2 của Hợp đồng đã quy định về lãi suất cho vay 27%, lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất cho vay quá hạn, lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ, cách thức tính lãi....Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía người vay là ông Lê Bá S, bà Hoàng Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với V B kể từ ngày 25/10/2011 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo Hợp đồng tín dụng; vì vậy, căn cứ Hợp đồng tín dụng thì ông Lê Bá S, bà Hoàng Thị T phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V tổng số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng và các khoản nợ lãi phát sinh mà hai bên đã ký kết. Ông S kháng cáo yêu cầu phải áp dụng cách tính lãi theo quy định tại khoản 5 Điều 474 BLDS 2005 và thời điểm Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực (01/01/2017) thì áp dụng điểm b, khoản 5 Điều 466 BLDS 2015 không chấp nhận việc tính lãi của ngân hàng HĐXX thấy rằng giao dịch dân sự giữa Ngân hàng V B và ông S, bà T là Hợp đồng tín dụng, cơ sở để tính lãi của Hợp đồng tín dụng phải căn cứ và quy định của Luật các tổ chức tín dụng (theo nguyên tắc Luật chuyên ngành điều chỉnh quan hệ pháp luật thì áp dụng Luật chuyên ngành trước. Trường hợp Luật chuyên ngành không điều chỉnh thì áp dụng theo quy định của Bộ luật dân sự). Căn cứ vào khoản 2,3,4 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng thì ngoài tiền nợ gốc ông S, bà T phải trả thì ông bà còn phải trả các khoản nợ lãi bao gồm: Lãi trong hạn, lãi quá hạn (không yêu cầu lãi phạt chậm trả theo Hợp đồng tín dụng). Thỏa thuận nêu trên phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và được hướng dẫn tại Điều 7; điểm a, b khoản 1 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Lê Bá S, bà Hoàng Thị T phải trả cho V B với tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (07/7/2020) là: 5.098.230.494 đồng, trong đó nợ gốc quá hạn 1.300.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 46.863.827 đồng; lãi quá hạn: 3.751.366.667 đồng là có căn cứ. Do đó kháng cáo của ông Lê Bá S về nội dung này là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2]. Đối với nội dung thứ hai: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0201/HĐ-TCTS ngày 19/5/2010 được giao kết trước Hợp đồng tín dụng số N011360 ngày 24/5/2011 là trái với quy định của pháp luật, thấy rằng: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng số 0201/10/ HĐ-TCTS và

Hợp đồng tín dụng số N011360 ngày 24/5/2011 giữa Ông Lê Bá S, bà Hoàng Thị T và Ngân hàng V B là sự tự nguyện thỏa thuận và cam đoan chịu trách nhiệm của các bên về nội dung hợp đồng là phù hợp với điều 389 BLDS 2005 về nguyên tắc giao kết hợp đồng dân sự. Điều này còn thể hiện qua ngày 19/5/2010 chính ông Lê Bá S, bà Hoàng Thị T có đơn đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất gửi Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L. Trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0201/HĐ-TCTS tại khoản 1 Điều 2 ghi rõ:...1. *Tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 Hợp đồng này bảo đảm cho việc thực toàn bộ nghĩa vụ - bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp...và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác – của bên thế chấp đối với bên Ngân hàng phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng (bao gồm cả phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các kế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của các Hợp đồng, văn bản đó) ký giữa bên ngân hàng trong khoảng thời gian 60 tháng từ ngày...../5/2010 đến ngày..../5/2015(Bằng chữ: Sáu mươi tháng).* Như vậy Hợp đồng tín dụng số N011360 được giao kết vào ngày 24/5/2011, chỉ sau 12 tháng sau khi giao kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0201/HĐ-TCTS ngày 19/5/2010, là không trái với quy định của pháp luật và khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng. Do đó kháng cáo của ông Lê Bá S về nội dung này là không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Kháng cáo của bị đơn ông Lê Bá S không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1,2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Bá S, giữ y án sơ thẩm,

1, Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các Điều 318, 342, 343, 344, 348, 349, 389, 350, 351, 355, 471, 474, 476, 715 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 166, 167, 170 của Luật đất đai, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V, buộc ông Lê Bá S và bà Hoàng Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T V tổng số tiền gốc và lãi là 5.184.030.494 đồng, trong đó, tiền gốc: 1.300.000.000 đồng, lãi trong hạn: 46.863.827 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (07/7/2020): 3.751.366.667 đồng.

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (07/7/2020) bên phải thi hành án tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc chưa thi hành cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất (lãi quá hạn 150% lãi trong hạn) đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp ông Lê Bá S và bà Hoàng Thị T không thực hiện hoặc

thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AP 408843 cấp ngày 26/5/2009 mang tên ông Lê Bá Sỹ(Sĩ) và bà Hoàng Thị T đối với lô đất số 01, diện tích 270m² tại T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình và tài sản gắn liền với đất là một ngôi nhà 05 tầng theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/5/2020 là tài sản để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của ông Lê Bá S và bà Hoàng Thị T. V B có trách nhiệm chuyển giao các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xử lý khi có đơn yêu cầu thi hành án, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

2, Về án phí:

Căn cứ Điều 26, Điều 28, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu Án phí, lệ phí Tòa án

- Kháng cáo của bị đơn ông Lê Bá S không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), được khấu trừ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006120 ngày 30 tháng 7 năm 2020 do ông Lê Bá S nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

3, Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (28/9/2020).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự ;
- TAND h. L;
- Chi cục THADS h. L;
- Lưu: HS vụ án, án văn Tòa DS.

(đã ký)

Võ Bá Lưu

